

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 315/2024/DS-ST

Ngày: 30 - 9 - 2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Tùng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hồ Tùng Mận, ông Nguyễn Tiến Dũng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Hoàng Phương Loan - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:** Ông Y Khang Êban - Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2024, tại Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 571/2024/TLST-DS ngày 04/7/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 354/2024/QĐXXST-DS ngày 28/8/2024, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP Q

Địa chỉ: Tầng 1 và 2, Tòa nhà S - 111A P, phường B, Quận X, thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:* Ông Từ Thế Anh H (có mặt), ông Phan Tấn D và ông Nguyễn Anh D (đều vắng mặt).

Địa chỉ: Số 27 N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

**2. Bị đơn:** Bà Phạm Thị Huyền T, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 96/12 Y, phường E, Tp B, tỉnh Đắk Lắk.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**1. Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn trình bày:**

Ngày 19/11/2020, bà Phạm Thị Huyền T đã ký với Ngân hàng TMCP Q (sau đây gọi là Ngân hàng) Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản. Căn cứ vào thu nhập của bà Phạm Thị Huyền T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà T, chi tiết như sau: Số thẻ là 512824xxxxxx2681, loại thẻ VIB Financial Free, hạn mức sử dụng 20.000.000 đồng, lãi suất, phí theo quy định của Ngân hàng từng thời kỳ, ngày cấp 19/11/2020.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Phạm Thị Huyền T đã thực hiện các giao

dịch với tổng số tiền 19.232.459 đồng, mới trả được khoản tiền lãi là 4.525.065 đồng. Qua nhiều lần làm việc, bà Phạm Thị Huyền T vẫn không có thiện chí trả nợ và vi phạm nội dung thỏa thuận tại Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng đã ký, khoản vay đã quá hạn thanh toán từ ngày 25/04/2021. Tính đến ngày 28/12/2023, bà Phạm Thị Huyền T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 61.232.548 đồng, trong đó nợ gốc 19.232.459 đồng, nợ lãi trong hạn 7.419.338 đồng và 34.580.751 đồng tiền phí.

Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị Huyền T phải trả cho Ngân hàng số tiền nêu trên.

Tại phiên tòa, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải tiếp tục trả tiền lãi và phí theo thỏa thuận tại Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản, kể từ ngày 29/12/2023.

*2. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không tham gia tố tụng theo giấy triệu tập của Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không giao nộp tài liệu, chứng cứ.*

*Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là vi phạm Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Phạm Thị Huyền T phải trả cho nguyên đơn số tiền 61.232.548 đồng, trong đó nợ gốc 19.232.459 đồng, nợ lãi trong hạn 7.419.338 đồng và 34.580.751 đồng tiền phí; ghi nhận việc nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải tiếp tục chịu lãi và phí tại hợp đồng tín dụng kể từ ngày 29/11/2023. Các đương sự phải chịu chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Huyền T (trú tại phường E, thành phố B) trả số tiền 61.232.548 đồng theo hợp đồng tín dụng, đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt đầy đủ, hợp lệ văn bản tố tụng cho đương sự; bị đơn bà Phạm Thị Huyền T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhận thấy:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và Kết luận giám định số 1479/KL-KTHS ngày 13/9/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk (kết luận chữ ký, chữ viết họ và tên Phạm Thị Huyền T trên mẫu cần giám định

so với chữ ký, chữ viết họ và tên Phạm Thị Huyền T trên mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra), có đủ cơ sở để xác định: Ngày 19/11/2020, bà Phạm Thị Huyền T được Ngân hàng duyệt hạn mức tín dụng 20.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân; sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Phạm Thị Huyền T đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền 19.232.459 đồng, mới trả được 4.525.065 đồng tiền lãi; khoản nợ tính đến ngày 28/12/2023 là 61.232.548 đồng, trong đó nợ gốc 19.232.459 đồng, nợ lãi trong hạn 7.419.338 đồng và 34.580.751 đồng tiền phí.

Sau khi vay tiền, bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán thỏa thuận tại văn bản Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng đã ký, khoản vay đã quá hạn thanh toán từ ngày 25/04/2021. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Huyền T phải trả số tiền nêu trên là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét ý kiến của nguyên đơn tại phiên tòa về việc không yêu cầu tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đối với bà Phạm Thị Huyền T kể từ ngày 29/12/2023 là tự nguyện, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí và chi phí tố tụng:

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu chi phí giám định chữ ký, chữ viết và án phí dân sự sơ thẩm. Căn cứ vào Điều 161 và 162 Bộ luật tố tụng dân sự, cần buộc bà Phạm Thị Huyền T phải trả lại cho nguyên đơn số tiền 5.100.000 đồng chi phí giám định chữ ký, chữ viết.

Bị đơn bà Phạm Thị Huyền T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận, cụ thể:  $(61.232.548 \text{ đồng} \times 5\%) = 3.061.627 \text{ đồng}$  (làm tròn 3.062.000 đồng).

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 161, 162, 227, 228, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.*

*Áp dụng Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam.

Buộc bà Phạm Thị Huyền T phải trả cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam số tiền 61.232.548 đồng, trong đó nợ gốc 19.232.459 đồng, nợ lãi trong hạn 7.419.338 đồng và 34.580.751 đồng tiền phí (tính đến ngày 28/12/2023).

Ghi nhận việc Ngân hàng TMCP Q không yêu cầu bà Phạm Thị Huyền T phải tiếp tục trả tiền lãi và các khoản phí theo thỏa thuận tại Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 19/11/2020, kể từ ngày 29/12/2023.

2. Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Phạm Thị Huyền T phải trả lại cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam số tiền 5.100.000 đồng chi phí giám định chữ ký, chữ viết.

Ngân hàng TMCP Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền 1.531.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2023/0013088 ngày 01/7/2024, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn bà Phạm Thị Huyền T phải chịu 3.062.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp BMT;
- Chi cục THADS Tp B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Nguyễn Thanh Tùng**